

# TRÁCH NHIỆM HIẾN PHÁP CỦA NGƯỜI GIỮ CHỨC VỤ NHÀ NƯỚC

LIU ĐỨC QUANG

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh  
University of Economics and Law, Vietnam National University Ho Chi Minh City  
Email: quangld@uel.edu.vn

## Tóm tắt

So với các loại hình trách nhiệm pháp lý thông thường như trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự và trách nhiệm kỷ luật nhà nước, trách nhiệm Hiến pháp chưa được các nhà khoa học lẫn các nhà chức trách nước ta quan tâm đúng mức. Bài viết này phân tích các quy định pháp luật, thực tiễn áp dụng và nhu cầu hoàn thiện một số biện pháp trách nhiệm hiến pháp của người giữ chức vụ nhà nước (miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, xóa tư cách giữ chức vụ nhà nước) cũng như việc bỏ phiếu tín nhiệm những người được Quốc hội bầu và phê chuẩn.

**Từ khóa:** vi phạm hiến pháp, trách nhiệm hiến pháp, trách nhiệm chính trị

## Abstract

Compared to other types of legal liability such as criminal liability, administrative liability, civil liability and state disciplinary liability, constitutional liability is not widely recognized by Vietnamese scholars and authorities. This article analyzes legal regulations, practical applications, and the need to refine certain constitutional accountability measures for state officials (such as dismissal, removal from office, revocation of office, and disqualification from holding state positions), as well as the process of credit voting for individuals elected and approved by the National Assembly.

**Keywords:** violation of the constitution, constitutional responsibility, political responsibility

**Ngày nhận bài:** 22/3/2024

**Ngày duyệt đăng:** 01/4/2024

## 1. Khái quát về trách nhiệm hiến pháp

Trách nhiệm Hiến pháp (TNHP) là những hậu quả bất lợi mà chính quyền buộc các chủ thể vi phạm Hiến pháp phải gánh chịu.<sup>1</sup> Đây là một vấn đề pháp lý quan trọng được các nhà luật học trên thế giới quan tâm.<sup>2</sup> Theo PGS.TS. Nguyễn Cảnh Hợp, TNHP được thể hiện bằng các biện pháp cưỡng chế nhà nước được luật Hiến pháp quy định, có mục đích chủ yếu là khôi phục trật tự Hiến pháp và phòng ngừa vi phạm Hiến pháp.<sup>3</sup> Ở

1 Trần Thúy Vân, “Trách nhiệm pháp lý Hiến pháp Nga và gợi mở hướng nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý Hiến pháp Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, 2022, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/10/13/trach-nhiem-phap-ly-hien-phap-nga-va-goi-mo-huong-nghien-cuu-ve-trach-nhiem-phap-ly-hien-phap-viet-nam/>, truy cập ngày 13/10/2022

2 Chẳng hạn, *Giáo trình Luật Hiến pháp Nga* của Kozlova E.Y và Kutaphin (xuất bản năm 2012) có hẳn một chương riêng về trách nhiệm Hiến pháp, đó là Chương II (Trách nhiệm Hiến pháp) và được đặt sau Chương I (Khái quát về Luật Hiến pháp). Xem thêm: Кондрашев Андрей Александрович, Теория конституционно-правовой ответственности в Российской Федерации, 2011 (Kondrashev, Andrey Alexandrovich, *Theory of constitutional and legal responsibility in the Russian Federation*, 2011), <https://www.dissercat.com/content/teoriya-konstitutsionno-pravovoi-otvetstvennosti-v-rossiiskoi-federatsii>, truy cập ngày 27/7/2023.

3 Nguyễn Cảnh Hợp, “Khái niệm và bản chất của trách nhiệm Hiến pháp”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 09(169), 2023, tr. 1-6.

nước ta, trách nhiệm Hiến pháp với tư cách nêu trên hầu như chỉ được đề cập trong một số chuyên khảo hoặc tạp chí khoa học.<sup>4</sup>

Theo tác giả, lý do của sự kém phổ biến của loại hình trách nhiệm pháp lý này xuất phát từ chính đặc trưng của nó:<sup>5</sup> (i) Cơ sở của TNHP là vi phạm Hiến pháp; (ii) Chủ thể tham gia quan hệ TNHP chủ yếu là cơ quan nhà nước và người giữ chức vụ nhà nước; bên cạnh đó là các tổ chức quyền lực xã hội khác (đảng phái chính trị, tổ chức chính trị - xã hội...); công dân (trong mối quan hệ với Nhà nước về việc thực thi chủ quyền quốc gia đối với dân cư); (iii) TNHP đồng thời là một loại trách nhiệm chính trị vì TNHP có thể phát sinh trong quá trình các chủ thể luật hiến pháp (chủ yếu là các thiết chế quyền lực công) thực hiện hoạt động chính trị; (iv) Cơ sở áp dụng TNHP là nguồn của luật hiến pháp, bao gồm Hiến pháp và các đạo luật mang tính hiến pháp (luật tổ chức, luật bầu cử, luật quốc tịch...); (v) Biểu hiện của TNHP là việc áp dụng các chế tài của luật hiến pháp, nếu không thì chỉ là trách nhiệm chính trị được tuyên bố bằng Hiến pháp. Hiện nay, Hiến pháp năm 2013 quy định TNHP của các chức danh cao cấp của Quốc hội và các cơ quan khác do Quốc hội thành lập, thẩm phán, tướng lĩnh các lực lượng vũ trang, quan chức ngoại giao, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

## 2. Một số biện pháp trách nhiệm hiến pháp đối với người giữ chức vụ nhà nước

Các biện pháp TNHP (hay chế tài Hiến pháp) là các biện pháp cưỡng chế được luật hiến pháp quy định đối với chủ thể vi phạm Hiến pháp.<sup>6</sup> Đặc điểm nổi bật nhất của biện pháp TNHP là chúng không được quy định thành hệ thống như hệ thống hình phạt hay xử phạt vi phạm hành chính, căn cứ theo mức độ nghiêm khắc của chế tài và có sự phân định biện pháp xử phạt chính và biện pháp xử phạt bổ sung cũng như biện pháp khắc phục hậu quả. Đối với TNHP, các chế tài thường gắn với chủ thể như giải tán Nghị viện, phế truất Tổng thống, cách chức Bộ trưởng...; đồng thời, trong nhiều trường hợp, pháp luật chỉ quy định một cách khái quát căn cứ để

4 Bùi Ngọc Sơn, “Trách nhiệm Hiến pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 4 (27), 2003; Tào Thị Quyên, “Vi phạm pháp luật và vi phạm Hiến pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 12(149), 2009; Trần Thúy Vân, “Trách nhiệm pháp lý Hiến pháp Nga và gợi mở hướng nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý Hiến pháp Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, 2022, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/10/13/trach-nhiem-phap-ly-hien-phap-nga-va-goi-mo-huong-ngghien-cuu-ve-trach-nhiem-phap-ly-hien-phap-viet-nam/>, truy cập ngày 13/10/2022.

5 Nguyễn Minh Đoan (chủ biên), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm pháp lý của Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan nhà nước ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 84-89; Mai Văn Thắng, “Trách nhiệm Hiến pháp trong bối cảnh cải cách pháp luật và nhu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, số 5, 2019, tr. 70-73.

6 Trong khuôn khổ bài viết này, nội hàm thuật ngữ “người giữ chức vụ nhà nước” không bao gồm: đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

áp dụng loại chế tài này. Nhìn chung, TNHP thường gồm các biện pháp sau: đình chỉ, bãi bỏ văn bản trái Hiến pháp; phế truất Tổng thống; giải tán Nghị viện; giải tán Chính phủ; thành viên Chính phủ từ chức; tước hoặc đình chỉ quyền bầu cử, quyền ứng cử của công dân; bãi miễn đại biểu dân cử; hủy kết quả bầu cử đại biểu dân cử; hủy kết quả trưng cầu ý dân; giải tán, chấm dứt quyền hạn của cơ quan hoặc người giữ chức vụ nhà nước; bãi nhiệm, cách chức đối với người giữ chức vụ nhà nước; cấm hoặc đình chỉ hoạt động của các đảng chính trị hay tổ chức xã hội; tước quốc tịch; tước các phần thưởng và các danh hiệu vinh dự nhà nước...

Về mặt hậu quả, TNHP cũng có những điểm khác biệt so với các loại trách nhiệm pháp lý khác (hình sự, dân sự, hành chính, kỷ luật nhà nước). Chế tài hiến pháp không tác động đến quyền tự do cá nhân của các chủ thể TNHP vốn là đặc trưng của chế tài hình sự (phạt tù giam, tử hình); không xâm phạm tình trạng tài sản của cá nhân, tổ chức như chế tài dân sự, hành chính (phạt tiền, tịch thu tang vật, phương tiện, tịch thu tài sản); không tác động trực tiếp các mối quan hệ trong hệ thống công vụ như trách nhiệm kỷ luật nhà nước. Các biện pháp TNHP chỉ có thể tác động trực tiếp đến các quyền chính trị cơ bản. Do đó, TNHP có mục đích khôi phục, phòng ngừa và giáo dục là chủ yếu chứ không phải là trừng phạt.

Do chế tài hiến pháp có tính chất cá biệt hóa cao, không được quy phạm luật hiến pháp nói chung và Hiến pháp nói riêng minh định nên đã dẫn đến nhiều cách phân chia chế tài hiến pháp. Sự phân nhóm này rất khó có sự thống nhất vì mỗi cách phân loại chế tài đều có cơ sở nhất định. Nếu dựa vào chủ thể bị áp dụng các biện pháp TNHP, chúng ta dễ dàng nhận ra nhóm các biện pháp TNHP đối với người giữ chức vụ nhà nước (trừ nhóm đại biểu dân cử) như nguyên thủ quốc gia, quan chức hành pháp, quan chức tư pháp...<sup>7</sup>

### **2.1. Miễn nhiệm**

Hiến pháp năm 2013 quy định về miễn nhiệm như sau: (i) Quốc hội có quyền miễn nhiệm nhiều chức danh quan trọng như Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, và các thành viên khác của Chính phủ, cũng như phê chuẩn miễn nhiệm Phó Thủ tướng và Bộ trưởng (Điều 70); (ii) Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền đề nghị Quốc hội miễn nhiệm một số chức danh và phê chuẩn miễn nhiệm đại sứ (Điều 74); (iii) Chủ tịch nước có quyền đề nghị miễn nhiệm nhiều chức danh quan trọng và thực hiện miễn nhiệm theo nghị quyết của Quốc hội (Điều 88); (iv) Thủ tướng Chính phủ có quyền trình Quốc hội phê chuẩn miễn nhiệm Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các chức danh khác, cũng như

<sup>7</sup> Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ “Trách nhiệm Hiến pháp – Cơ sở lý luận và thực tiễn”*, Chủ nhiệm: PGS.TS. Nguyễn Cảnh Hợp, 2023, tr. 32-35.

miễn nhiệm Thứ trưởng và Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố (Điều 98).

Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), miễn nhiệm là việc cán bộ, công chức được thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm (Điều 7) do không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm, do yêu cầu của nhiệm vụ hoặc theo đề nghị của cán bộ, công chức vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác. Miễn nhiệm là thuật ngữ pháp lý được quy định trong các Hiến pháp năm 1992 và 2013. Các bản Hiến pháp trước đó chưa phân biệt giữa miễn nhiệm với bãi nhiệm mà chỉ quy định chung bằng thuật ngữ bãi miễn.<sup>8</sup>

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), các Hội đồng nhân dân cấp khác nhau có quyền miễn nhiệm những chức danh nhất định. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Trưởng ban và Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, cùng Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh (Điều 19). Tương tự, các Hội đồng nhân dân huyện, xã, quận, phường và thị trấn có quyền miễn nhiệm các chức danh tương ứng theo quy định tại các Điều 26, 33, 47, 61 và 68.

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019): (i) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền phê chuẩn kết quả miễn nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; miễn nhiệm cán bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 22); (ii) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền phê chuẩn kết quả miễn nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; miễn nhiệm cán bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 29).

## **2.2. Bãi nhiệm và cách chức**

Hiến pháp năm 2013 quy định về bãi nhiệm và cách chức các chức danh quan trọng trong hệ thống chính trị của Việt Nam. Theo Điều 70, Quốc hội có quyền bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, và người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập. Quốc hội cũng có quyền phê chuẩn đề nghị cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ và Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền đề nghị Quốc hội bãi nhiệm Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, các Ủy viên

<sup>8</sup> Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển bách khoa – Tư pháp, Hà Nội, 2006, tr. 536-537.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia và Tổng Kiểm toán nhà nước (Điều 74). Chủ tịch nước có quyền đề nghị Quốc hội bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ; dựa vào nghị quyết của Quốc hội, Chủ tịch nước có thể cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ, cũng như Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Chủ tịch nước cũng có quyền cách chức các Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Phó Chánh án, Thẩm phán các tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng tham mưu trưởng, và Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (Điều 88). Thủ tướng Chính phủ có quyền trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, cùng cách chức Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Điều 98).

Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) định nghĩa bãi nhiệm là việc buộc một cán bộ thôi giữ chức vụ trước khi hết nhiệm kỳ, áp dụng cho các chức vụ do bầu cử. Cách chức là việc cho cán bộ, công chức lãnh đạo thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm, áp dụng cho các chức vụ do bổ nhiệm. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định các Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã, quận, phường, thị trấn có quyền bãi nhiệm các chức danh tương ứng như Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Trưởng ban và Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, cùng Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và huyện có quyền phê chuẩn kết quả bãi nhiệm và cách chức các chức danh thuộc phạm vi quản lý của mình.

### **2.3. Xóa tư cách giữ chức vụ nhà nước**

Thực tiễn truy cứu TNHP bằng hình thức miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức đối với người giữ chức vụ cao cấp của Nhà nước những năm qua cho thấy một số vấn đề bất cập như vấn đề xử lý kỷ luật đối với một số người từng giữ chức vụ nhà nước nhưng bị phát hiện sai phạm nghiêm trọng khi đã hết nhiệm kỳ hoặc về hưu cũng như vấn đề lựa chọn hình thức TNHP... Tình huống dưới đây là một ví dụ điển hình.

Ngày 23/11/2016, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 33/2016/QH14 về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIV. Theo đó, lần đầu tiên Quốc hội đưa vào nghị quyết việc phê phán nghiêm khắc đối với một cán bộ cấp cao và công khai trước nhân dân cả nước: “Quốc hội phê phán nghiêm khắc ông Vũ Huy Hoàng, Bộ trưởng

Bộ Công Thương nhiệm kỳ 2011-2016 trước Quốc hội và cử tri cả nước do đã có những vi phạm về công tác cán bộ trong thời gian đảm nhiệm chức vụ nêu trên, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, Nhà nước, Bộ Công Thương, gây bức xúc trong xã hội, được nhiều đại biểu Quốc hội quan tâm chất vấn. Giao Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan bảo vệ pháp luật tiếp tục làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời, tăng cường công tác giám sát, quản lý cán bộ, làm tốt việc thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu; khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để xử lý công bằng và nghiêm minh các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu” (Điều 2).

Ngày 21/01/2017, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 344/NQ-UBTVQH14 về việc xử lý kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng. Theo đó, căn cứ Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, Nghị quyết số 33/2016/QH14, văn bản số 2726-CV/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng; đồng thời trên cơ sở Tờ trình số 27/TTr-CP của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 314/BC-UBPL14 của Ủy ban Pháp luật và ý kiến của các thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 6, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 344/NQ-UBTVQH14 về việc xử lý kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng. Nghị quyết số 344/NQ-UBTVQH14 quyết nghị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tư cách nguyên Bộ trưởng Bộ Công thương nhiệm kỳ 2011-2016 đối với ông Vũ Huy Hoàng do đã có những vi phạm về công tác cán bộ khi giữ chức vụ Bộ trưởng trong nhiệm kỳ này và Ban Bí thư Trung ương Đảng đã thi hành kỷ luật tại Nghị quyết số 388-QĐNS/TW ngày 03/11/2016. Nghị quyết giao Thủ tướng Chính phủ ra quyết định xử lý kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng; giao Chính phủ khẩn trương nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét, quyết định việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định của luật về cán bộ, công chức, viên chức, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để xử lý công bằng, nghiêm minh các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức, kể cả khi đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra khỏi bộ máy nhà nước.<sup>9</sup>

Ngày 21/01/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định về việc thi hành kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng bằng hình thức xóa tư cách nguyên Bộ trưởng Bộ Công thương nhiệm kỳ 2011 - 2016. Đây là lần đầu

<sup>9</sup> Quốc hội, “Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc xử lý kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng”, *Cổng Thông tin điện tử Quốc hội*, 2017, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=32575>, truy cập ngày 15/4/2023.

tiền một cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức xóa tư cách giữ chức vụ nhà nước (tư cách nguyên Bộ trưởng) sau khi đã nghỉ hưu. Từ tiền lệ này, Thủ tướng Chính phủ sau đó đã ban hành nhiều quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức xóa tư cách nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông nhiệm kỳ 2011-2016 đối với ông Nguyễn Bắc Sơn (Quyết định số 1433/QĐ-TTg ngày 26/10/2018); xóa tư cách nguyên Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Quân chủng Hải quân đối với ông Nguyễn Văn Hiến (Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 03/9/2019)...

Điểm b khoản 5 Điều 84 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định: “Cán bộ, công chức sau khi nghỉ việc hoặc nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm gắn với hệ quả pháp lý tương ứng với hình thức xử lý kỷ luật”. Một người đã nghỉ việc, nghỉ hưu thì không còn là cán bộ, công chức bởi họ cũng không còn giữ chức vụ, không còn trong biên chế và cũng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Do đó, TS. Cao Vũ Minh đã đặt ra vấn đề về tính phù hợp về hình thức xử lý kỷ luật đối với người không còn là cán bộ, công chức cũng như phạm vi điều chỉnh của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).<sup>10</sup> Theo tác giả, điều này chỉ có thể được giải quyết một cách thấu đáo nếu áp dụng TNHP đối với những trường hợp này.

#### **2.4. Bỏ phiếu tín nhiệm tại Quốc hội**

Bỏ phiếu tín nhiệm<sup>11</sup> là một thủ tục để Quốc hội thực hiện quyền miễn nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn khi người đó không xứng đáng với trọng trách được trao.<sup>12</sup> Tuy không phải là một hình thức TNHP nhưng việc thể chế hóa hoạt động này góp phần quan trọng để truy cứu TNHP.

Kể từ khi Nghị quyết số 51/2001/QH10 bổ sung quy định về việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn được ban hành đến năm 2009, thực tiễn nghị trường

10 Cao Vũ Minh, “Xử lý kỷ luật đối với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 08, 2020, tr. 10-12.

11 Điều 2 Nghị quyết số 85/2014/QH13 giải thích như sau:  
“1. *Lấy phiếu tín nhiệm* là việc Quốc hội, Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát, đánh giá mức độ tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn để làm cơ sở cho việc xem xét đánh giá cán bộ.  
2. *Bỏ phiếu tín nhiệm* là việc Quốc hội, Hội đồng nhân dân thể hiện sự tín nhiệm hoặc không tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn để làm cơ sở cho việc miễn nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm người không được Quốc hội, Hội đồng nhân dân tín nhiệm”.

12 Vũ Đức Khiển, “Quy định về bỏ phiếu tín nhiệm: từ mong muốn đến hiện thực”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 10, 2009, tr. 12-14.

cho thấy Quốc hội chưa lần nào thực hiện quyền bỏ phiếu tín nhiệm. Bên cạnh đó, Quốc hội đã áp dụng một hình thức miễn nhiệm đối với cả ba trường hợp: một người được thôi giữ chức vụ này để giữ một chức vụ khác cao hơn; người thôi giữ một chức vụ đã kiêm nhiệm nhưng vẫn giữ chức vụ cao hơn và người không được Quốc hội tín nhiệm giao giữ chức vụ đó nữa vì đã có sai lầm, khuyết điểm. Việc Quốc hội chỉ áp dụng chung một hình thức miễn nhiệm đối với những người thuộc các trường hợp trên đây là bất hợp lý. Khoản 8 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn”. Hiến pháp năm 1946 gọi trường hợp này là biểu quyết không tín nhiệm. Thông lệ quốc tế gọi là bỏ phiếu bất tín nhiệm. Nghiên cứu nội dung này, chúng tôi nhận thấy hai vấn đề nổi bật sau đây:

*Một là*, hệ quả pháp lý của hoạt động bỏ phiếu tín nhiệm thiếu sự phân hóa và chưa rõ tính chế tài.

Điều 13 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014<sup>13</sup> quy định: (i) Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn trong các trường hợp sau đây: a) Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị; b) Có kiến nghị của ít nhất hai mươi phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội; c) Có kiến nghị của Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội; d) Người được lấy phiếu tín nhiệm mà có từ hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội trở lên đánh giá tín nhiệm thấp. (ii) Nếu có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội bỏ phiếu không tín nhiệm thì người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có thể xin từ chức. Trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu để Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn chức vụ đó có trách nhiệm trình Quốc hội xem xét, quyết định việc miễn nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm người không được Quốc hội tín nhiệm. Như vậy, kết quả lấy phiếu tín nhiệm là một trong những căn cứ để các cơ quan dân cử bỏ phiếu tín nhiệm chức danh hữu quan.

Điều 10 của Nghị quyết số 85/2014/QH13 quy định về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn xác định hệ quả đối với người được lấy phiếu tín nhiệm như sau: (i) Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đánh giá “tín nhiệm thấp” thì có thể xin từ chức. (ii) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội trở lên đánh giá “tín nhiệm thấp” thì Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội, Thường trực HĐND trình HĐND bỏ phiếu tín nhiệm.

13 Điều 89 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) thể hiện nội dung tương tự trong hoạt động của HĐND.

Như vậy, hệ quả của việc lấy phiếu tín nhiệm (quá nửa tổng số đại biểu đánh giá “tín nhiệm thấp”) và bỏ phiếu tín nhiệm (quá nửa đại biểu bỏ phiếu “không tín nhiệm”) cơ bản như nhau và mang tính khuyến nghị (có thể xin từ chức). So sánh với Điều 54 Hiến pháp năm 1946, có thể thấy rõ tính chế tài của việc từ chức như “Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức”.

*Hai là*, nhu cầu đồng bộ hóa văn kiện Đảng với văn bản pháp luật về các hình thức TNHP.

Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) chỉ xác định hậu quả pháp lý mà chưa nêu rõ căn cứ hay lý do để cơ quan có thẩm quyền áp dụng các hình thức trách nhiệm gồm miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức và từ chức.<sup>14</sup>

Quy định số 41-QĐ/TW (ngày 03/11/2021) của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ giải thích như sau: (i) Miễn nhiệm là việc cấp có thẩm quyền quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm do không đáp ứng được yêu cầu công việc, uy tín giảm sút, có vi phạm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật cách chức. (ii) Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Ban chấp hành Trung ương khẳng định một trong ba nguyên tắc xử lý cán bộ là: “Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm”.

Quy định số 96-QĐ/TW (ngày 02/02/2023) của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị hướng dẫn việc sử dụng kết quả phiếu tín nhiệm như sau: (i) Những trường hợp có trên 50% nhưng dưới 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp thì cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đưa ra khỏi quy hoạch các chức vụ cao hơn; xem xét cho thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm, bố trí công tác khác hoặc cho từ chức hoặc tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm theo quy định. (ii) Những trường hợp có từ 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp trở lên thì cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ thực hiện miễn nhiệm chức vụ đang đảm nhiệm và bố trí công tác khác (thấp hơn) mà không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm...

Tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với 48 người trên tổng số 50 người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, kết quả không có trường hợp nào có hơn 50%

<sup>14</sup> Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), từ chức là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đề nghị được thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm.

tổng số đại biểu Quốc hội đánh giá “tín nhiệm thấp”. HĐND các cấp đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với 99.836 người, hầu hết đều đạt hơn 50% số phiếu “tín nhiệm cao”; tỷ lệ người có số phiếu “tín nhiệm thấp” ở các cấp, cụ thể như sau: Cấp tỉnh, có 2/1.750 người, chiếm tỷ lệ 0,11%; ở cấp huyện 25/13.852 người, chiếm tỷ lệ 0,18%; ở cấp xã 186/84.234 người, chiếm tỷ lệ 0,22%. Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện Nghị quyết số 85 cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Cụ thể, Nghị quyết chỉ quy định về hệ quả đối với người được lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm nhưng không quy định rõ về thời hạn thực hiện, dẫn đến việc tùy nghi, không đồng bộ, thống nhất trong cả nước.<sup>15</sup>

Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn nhằm sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 85/2014/QH13 cũng như thể chế hóa Quy định số 96-QĐ/TW được biên soạn theo hướng quy định cụ thể hệ quả đối với người được lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm. Theo đó, người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa đến dưới 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND đánh giá “tín nhiệm thấp” thì có thể xin từ chức. Trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả lấy phiếu tín nhiệm mà không từ chức thì Quốc hội, HĐND xem xét, quyết định việc bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp đó hoặc kỳ họp gần nhất, nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả lấy phiếu tín nhiệm. Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND trở lên đánh giá “tín nhiệm thấp” thì cơ quan có thẩm quyền trình Quốc hội, HĐND tiến hành miễn nhiệm tại kỳ họp đó hoặc kỳ họp gần nhất, nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả lấy phiếu tín nhiệm. Ngoài ra, trong quá trình thảo luận, có ý kiến cho rằng bỏ phiếu tín nhiệm thực chất là một hình thức xem xét kỷ luật đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn. Vì theo quy định tại Dự thảo nghị quyết, các trường hợp bỏ phiếu tín nhiệm tại Quốc hội, HĐND thường là do phát hiện có dấu hiệu sai phạm hoặc qua thẩm dò cho thấy người được Quốc hội, HĐND bầu, phê chuẩn đạt mức “tín nhiệm thấp”. Trong khi đó, hệ quả nặng nhất đối với người được lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm quy định trong Dự thảo nghị quyết đều là trình Quốc hội, HĐND quyết định việc miễn nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm. Do đó, ý kiến này đề nghị trong trường hợp người được bỏ phiếu tín nhiệm có từ quá nửa tổng số đại biểu trở lên đánh giá “không tín nhiệm” thì Quốc

15 Nguyễn Hoàng, “Bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết về việc lấy phiếu tín nhiệm”, *Báo Chính phủ*, 2023, <https://baochinhphu.vn/bo-sung-hoan-thien-du-thao-nghi-quet-ve-vec-lay-phiếu-tin-nhiem-102230511122241758.htm>, truy cập ngày 11/5/2023.

hội, HĐND tiến hành bãi nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị cách chức đối với người đó.<sup>16</sup>

Ngày 23/6/2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết trên. Việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội, HĐND; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; góp phần đánh giá uy tín và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của người được lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm, giúp họ thấy được mức độ tín nhiệm của mình để tiếp tục phấn đấu, rèn luyện, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác; làm cơ sở để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét đánh giá cán bộ, làm cơ sở cho công tác quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, miễn nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ. Hệ quả của việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm được quy định như sau: người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa đến dưới 2/3 tổng số phiếu đánh giá “tín nhiệm thấp” thì có thể xin từ chức; trường hợp không xin từ chức thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội, thường trực HĐND trình HĐND tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp đó hoặc kỳ họp gần nhất; trường hợp một người đã được lấy phiếu tín nhiệm cùng một lần với nhiều chức vụ thì việc bỏ phiếu tín nhiệm được thực hiện một lần đối với các chức vụ đó. Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ 2/3 tổng số phiếu đánh giá “tín nhiệm thấp” trở lên thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn có trách nhiệm trình Quốc hội, HĐND tiến hành miễn nhiệm tại kỳ họp đó hoặc kỳ họp gần nhất; trường hợp một người đã được lấy phiếu tín nhiệm cùng một lần với nhiều chức vụ thì thực hiện việc miễn nhiệm đối với tất cả các chức vụ đó.<sup>17</sup>

### 3. Một số kiến nghị

*Thứ nhất*, để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong công tác nhân sự, nhà làm luật cần phân hóa các trường hợp miễn nhiệm người giữ chức vụ nhà nước thành hai loại như sau: (i) Miễn nhiệm do năng lực kém, sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình... mà không có vi phạm trong khi thi hành công vụ hoặc nhiệm kỳ. Trong trường hợp này, biện pháp miễn nhiệm không mang tính chế tài; (ii) Miễn nhiệm do có sai phạm và phải chịu trách nhiệm pháp lý, trong đó có trách nhiệm của người đứng đầu. Đồng thời, nhà làm luật cũng cần phân biệt giữa miễn nhiệm với việc chấp

16 Thành Chung, “Làm rõ cơ sở quy định cán bộ tín nhiệm thấp, không quá 10 ngày phải từ chức”, *Tuổi trẻ Online*, 2023, <https://tuoitre.vn/lam-ro-co-so-quy-dinh-can-bo-tin-nhiem-thap-khong-qua-10-ngay-phai-tu-chuc-20230511102534394.htm>, truy cập ngày 11/5/2023.

17 Lê Hiệp, “Quốc hội quyết định không lấy phiếu tín nhiệm cán bộ cấp xã”, *Báo Thanh niên*, 2023, <https://thanhnien.vn/quoc-hoi-quyet-dinh-khong-lay-phieu-tin-nhiem-can-bo-cap-xa-18523062314215442.htm>, truy cập ngày 23/6/2023.

nhận cho người giữ chức vụ nhà nước từ chức. Trong mối tương quan này, miễn nhiệm thể hiện tính chủ động từ nhà chức trách để kịp thời xử lý công tác nhân sự (ví dụ: người giữ chức vụ nhà nước bất ngờ bị suy giảm sức khỏe đến mức không thể đảm nhiệm được chức vụ mà không thể tự mình làm đơn từ chức); còn từ chức thể hiện sự chủ động từ phía người giữ chức vụ nhà nước (ví dụ: người giữ chức vụ nhà nước nhận ra năng lực bản thân không đáp ứng được yêu cầu công tác nên tự mình làm đơn từ chức). Tất nhiên, người từ chức chỉ có thể được cấp có thẩm quyền chấp nhận cho từ chức nếu họ không có vi phạm.

*Thứ hai*, cần sửa đổi Luật Cán bộ, công chức hiện hành theo hướng không quy định hình thức kỷ luật cách chức và bãi nhiệm đối với cán bộ (điểm c và d khoản 1 Điều 78 Luật Cán bộ, công chức). Đối với hình thức bãi nhiệm, căn cứ và thủ tục bãi nhiệm người giữ các chức vụ như Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, các ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã được Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội và Nội quy kỳ họp Quốc hội quy định. Do vậy, TNHP cần được phân biệt với trách nhiệm kỷ luật nhà nước. Đối với hình thức cách chức, Hiến pháp không thừa nhận việc áp dụng đối với các chức danh nêu trên vì họ được bổ nhiệm thông qua bầu cử, địa vị pháp lý của họ do Hiến pháp và các đạo luật về tổ chức chính quyền, tức các đạo luật hiến định quy định.

*Thứ ba*, nhà làm luật cần minh định hình thức xóa tư cách giữ chức vụ nhà nước là một biện pháp TNHP nhằm căn cơ khắc phục lỗ hổng trong vấn đề xử lý kỷ luật đối với một số người từng giữ chức vụ nhà nước nhưng bị phát hiện sai phạm nghiêm trọng khi đã hết nhiệm kỳ hoặc về hưu; cũng như đảm bảo nguyên tắc “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai, không chịu sức ép của bất kỳ cá nhân nào” trong công cuộc phòng chống tham nhũng hiện nay ở nước ta.<sup>18</sup>

*Thứ tư*, nhà làm luật cần phân hóa rành mạch và hợp lý hệ quả pháp lý của hoạt động bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn nhằm hướng tới việc xác định rõ TNHP đối với loại chủ thể công quyền này. Đồng thời, cần đồng bộ hóa văn kiện Đảng với văn bản pháp luật về các hình thức TNHP đối với người giữ chức vụ nhà nước (miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức) để đảm bảo tính kịp thời và chặt chẽ trong việc áp dụng TNHP nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong kiểm soát quyền lực nhà nước. ●

18 Nguyễn Phú Trọng, “Không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai, không chịu sức ép của bất kỳ cá nhân nào”, *Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*, 2020, <https://dang-congsan.vn/xay-dung-dang/chong-tham-nhung-khong-co-vung-cam-khong-co-ngoai-le-bat-ke-nguoi-do-la-ai-569834.html>, truy cập ngày 01/4/2023.

**Tài liệu tham khảo**

- [1] Thành Chung, “Làm rõ cơ sở quy định cán bộ tín nhiệm thấp, không quá 10 ngày phải từ chức”, *Tuổi trẻ Online*, 2023 [trans: Thanh Chung, “Clarifying the basis for the regulation that low-trust officials must resign within 10 days”, *Tuoi Tre Online*, 2023]
- [2] Nguyễn Minh Đoan (chủ biên), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm pháp lý của Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan nhà nước ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014 [trans: Nguyen Minh Doan (editor), *Some theoretical and practical issues on the legal responsibility of the State, cadres, civil servants, public employees, and state agencies in Vietnam*, Publishing House. National politics, Hanoi, 2014]
- [3] Viên Thế Giang, Bùi Hữu Toàn (đồng chủ biên), *Giáo trình Nhập môn Luật học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020 [trans: Vien The Giang – Bui Huu Toan (co-editor), *Introduction to Law Textbook*, Publishing House. National Politics, Hanoi, 2020]
- [4] Lê Hiệp, “Quốc hội quyết định không lấy phiếu tín nhiệm cán bộ cấp xã”, *Báo Thanh niên*, 2023 [trans: Le Hiep, “National Assembly decides not to take a vote of confidence for commune-level officials”, *Thanh Nien Newspaper*, 2023]
- [5] Nguyễn Hoàng, “Bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết về việc lấy phiếu tín nhiệm”, *Báo Chính phủ*, 2023 [trans: Nguyen Hoang, “Supplementing and perfecting the draft Resolution on taking a vote of confidence”, *Government Newspaper*, 2023]
- [6] Nguyễn Cảnh Hợp, “Khái niệm và bản chất của trách nhiệm Hiến pháp”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 09(169), 2023 [trans: Nguyen Canh Hop, “The concept and nature of constitutional responsibility”, *Vietnamese Journal of Legal Science*, Vol. 169 (09), 2023]
- [7] Vũ Đức Khiển, “Quy định về bỏ phiếu tín nhiệm: từ mong muốn đến hiện thực”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 10, 2009 [trans: Vu Duc Khiem, “Regulations on votes of confidence: from wish to reality”, *Journal of Legislative Studies*, No. 10, 2009]
- [8] Кондрашев Андрей Александрович, *Теория конституционно-правовой ответственности в Российской Федерации*, 2011 [trans: Kondrashev, Andrey Alexandrovich, *Theory of constitutional and legal responsibility in the Russian Federation*, 2011]
- [9] Cao Vũ Minh, “Xử lý kỷ luật đối với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 08, 2020 [trans: Cao Vu Minh, “Disciplinary action against people who have quit their jobs or retired and have just discovered violations during their working time”, *Vietnamese Journal of Legal Science*, No. 08, 2020]
- [10] Mai Văn Thắng, “Trách nhiệm Hiến pháp trong bối cảnh cải cách pháp luật và nhu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, số 5, 2019 [trans: Mai Van Thang, “Constitutional responsibility in the context of legal reform and the need to control state power in Vietnam today”, *Journal of Jurisprudence*, No. 5, 2019]
- [11] Nguyễn Phú Trọng, “Không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai, không chịu sức ép của bất kỳ cá nhân nào”, *Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*, 2020 [trans: Nguyen Phu Trong, “No forbidden zones, no exceptions, no matter who that person is, not subject to pressure from any individual”, *Communist Party of Vietnam Electronic Newspaper*, 2020]
- [12] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2018 [trans: Hanoi Law University, *Textbook of General Theory of State and Law*, Publishing House. Justice, Hanoi, 2018]
- [13] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ “Trách nhiệm Hiến pháp – Cơ sở lý luận và thực tiễn”*, Chủ nhiệm: PGS.TS. Nguyễn Cảnh Hợp, 2023 [trans: Ho Chi Minh City University of Law, *Report on ministerial-level scientific topic “Constitutional liability – Theoretical basis and practice”*, Coordinator: Nguyen Canh Hop, 2023]
- [14] Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển bách khoa – Tư pháp, Hà Nội, 2006 [trans: Institute of Legal Sciences (Ministry of Justice), *Dictionary of Law*, Publishing House. Encyclopedia – Justice, Hanoi, 2006]